TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 90/2020/KDTM-ST
Ngày: 25-9-2020
V/v "tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Ngọc

2. Bà Phạm Thị Mai

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải Sâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Trương Hà Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 02 năm 2020 về: "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2020/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S; địa chỉ trụ sở: Đường E, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Xuân N, sinh năm 1980; địa chỉ liên hệ: Lô A, Đường C, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 02/2019/SMC-GUQ ngày 02/01/2020) *(ông N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Xây dựng Z; địa chỉ trụ sở: Đường I, Phường K, quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ hoạt động: 180 đường số 5, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Văn T, Tổng giám đốc công ty, là người đại diện theo pháp luật *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2020 và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án ngày 19/8/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Xuân N trình bày:

Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty cổ phần Xây dựng Z (sau đây gọi tắt là Công ty Z) ký các hợp đồng kinh tế:

1/ Hợp đồng số 022704/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 27/4/2019 và phụ lục hợp đồng số PL01.022704/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 28/4/2019 (hợp đồng 022704). Theo hợp đồng, Công ty Z chấp thuận cho Công ty Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình Đường X, Phường V, quận L (công trình N TOWER), thanh toán 100% giá trị bê tông cho Công ty S trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tổng hợp khối lượng.

2/ Hợp đồng kinh tế số 052704/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 27/4/2019 (hợp đồng 052704). Theo hợp đồng, Công ty Z chấp thuận cho Công ty S cung cấp bê tông trộn sẵn đến công trình Trung tâm dữ liệu F ở Quận G. Công ty Z thanh toán 100% giá trị bê tông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán.

Theo hợp đồng số 022704 từ ngày 02/5/2019 Công ty S đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho Z tại công trình Đường X với tổng giá trị là 308.605.000 đồng, Z đã thanh toán 50.000.000 đồng vào ngày 08/8/2019, còn nợ lại 258.605.000 đồng.

Thực hiện hợp đồng số 052704, trong ngày 08/5/2019, Công ty S đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho Công ty Z tại công trình trung tâm dữ liệu F với tổng giá trị là 199.610.000 đồng. Công ty Z chưa thanh toán cho Công ty S.

Tổng giá trị bê tông Công ty S đã cung cấp cho Công ty Z theo 2 hợp đồng là 508.215.000 đồng, đã thanh toán 50.000.000 đồng, còn nợ lại 458.215.000 đồng.

Theo công văn số 59/2019 ngày 20/8/2019, Công ty Z ghi nhận số tiền nợ là 448.775.000 đồng và cam kết thanh toán 02 lần vào tháng 9/2019 là 224.387.500 đồng và tháng 10/2019 thanh toán 224.387.500 đồng. Sau đó, Công ty Z không thanh toán như đã cam kết. Đến ngày 29/10/2019, tại công văn số 81 ngày 29/10/2019, Công ty Z xác nhận còn nợ Công ty S số tiền 458.215.000 đồng và cam kết thanh toán khoảng tháng 11/2019 và đầu tháng 12/2019. Tuy nhiên, sau đó Công ty Z không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào như đã cam kết nên Công ty S khởi kiện, yêu cầu Công ty Z phải trả ngay số tiền bê tông còn nợ là 458.215.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 20/9/2019 (sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn lần cuối cùng ngày 19/8/2019) đến ngày 19/8/2020 là 56.626.210 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty Z phải thanh toán cho Công ty S tạm tính đến ngày 19/8/2020 là 514.841.210 đồng.

Bị đơn, Công ty Cổ phần Xây dựng Z do ông Phạm Văn T là đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập để tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có bất cứ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 15/9/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Hà Xuân N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần xây dựng Z phải trả ngay cho Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S số tiền bê tông còn nợ là 458.215.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo Điều 306 Luật thương mại, tạm tính từ ngày 30/11/2019 đến ngày 25/9/2020 (300 ngày) là 50.861.865 đồng, (theo mức lãi suất chậm thanh toán là 13.5%/năm, 0.0375/ngày). Tổng số tiền Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng Z phải trả ngay tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 509.076.865 đồng.

Bị đơn - Công ty Cổ phần Xây dựng Z, do ông Phạm Văn T là người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp, tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về nợ gốc: Thực hiện hợp đồng kinh tế số 022704, nguyên đơn đã cung cấp bê tông cho bị đơn thi công với tổng giá trị 308.605.000 đồng, bị đơn mới thanh toán 50.000.000 đồng vào ngày 08/8/2019, còn nợ 258.605.000 đồng. Hợp đồng số 052704 tổng giá trị 199.610.000 đồng, bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Ngày 29/9/2019, bị đơn có văn bản số 81/CV/ZESCONS-SMC gửi nguyên đơn ghi nhận công nợ hiện tại là 458.215.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán trong khoảng tháng 11/2019 và đầu tháng 12/2019 nhưng đơn đã không thực hiện việc thanh toán. Do vậy, căn cứ Điều 50, 55 Luật thương mại 2005 và điều 440 Bộ Buật dân sự 2015 nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 458.215.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo mục 2, Điều III của hợp đồng: Nếu bên A chậm thanh toán so với quy định, sẽ phải thanh toán khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của Ngân hàng trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không được quá 7 ngày. Nhưng do bị đơn vi phạm thời hạn trả vượt quá 7 ngày nên không thể áp dụng điều khoản của hợp đồng mà căn cứ Điều 306 Luật Thương mại thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Tại phiên tòa, Tòa án đã thu thập lãi suất nợ quá hạn trên thị trường của 03 ngân hàng (Ngân hàng C, Ngân hàng A và Ngân hàng V). Nguyên đơn yêu cầu lãi

suất quá hạn 13.5%/năm, thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trên thị trường. Căn cứ Điều 50, 55, 306 Luật Thương Mại, điều 440 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn – Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S khởi kiện đối với bị đơn – Công ty Cổ phần Xây dựng Z tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa ký kết giữa hai bên. Tại khoản 5 Điều IV của Hợp đồng mua bán số 052704/SMC/PKD/HĐ/2019 và khoản 4 Điều IV của hợp đồng kinh tế số 022704 có qui định "nếu không thỏa thuận được, việc tranh chấp sẽ được chuyển đến Tòa án Kinh tế phán quyết. Quyết định của Tòa án Kinh tế được xem như chung thẩm". Việc thỏa thuận về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của các bên không đúng theo qui định của pháp luật tại Điều 35, 37, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thỏa thuận về cơ quan giải quyết tranh chấp này là vô hiệu. Do vậy, nay nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, bị đơn có trụ sở đăng ký tại quận Tân Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn – Công ty Cổ phần Xây dựng Z đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ gốc và lãi tổng cộng là: 509.076.865 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các Hợp đồng mua bán số 022704/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 27/4/2019 và phụ lục hợp đồng số PL01.022704/SMC/KD/PLHĐ/2019 ngày 28/4/2019 (hợp đồng 022704), hợp đồng kinh tế số 052704/SMC/PKD/HĐ/2019 ngày 27/4/2019 (hợp đồng 052704), các hóa đơn giá trị gia tăng, giấy báo có, các công văn số 59 ngày 20/8/2019 và 81 ngày 29/10/2019 (về lịch thanh toán nợ của bị đơn gửi cho nguyên đơn) do nguyên đơn cung cấp, căn cứ lời trình bày của người đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết và thực hiện 2 hợp đồng kinh tế và 1 phụ lục hợp đồng như đã nêu trên. Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã cung cấp bê tông trộn sẵn cho bị đơn thi công, tuy nhiên, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn theo thỏa thuận. Đối với hợp đồng 022704 nguyên đơn đã cung cấp bê tông với giá trị 308.605.000 đồng nhưng bị đơn chỉ thanh toán 50.000.000 đồng vào ngày 08/8/2019. Đối với hợp đồng 052704 nguyên đơn đã cung cấp bê tông với giá trị 199.610.000 đồng nhưng bị đơn chưa thanh toán.

Theo công văn số 59/2019/ZESCONS-SMC ngày 20/8/2019 và công văn số 81/CV/ ZESCONS-SMC ngày 29/10/2019 do người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông Phạm Văn T (Tổng giám đốc) ký và gửi cho nguyên đơn thì Công ty Z xác nhận còn nợ Công ty S số tiền 458.215.000 đồng và cam kết sẽ thanh toán làm 2 đợt vào tháng 9/2019 và tháng 10/2019. Tuy nhiên, kể từ sau khi xác nhận công nợ và lịch thanh toán, bị đơn không thanh toán cho nguyên đơn bất cứ khoản tiền nào là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được thỏa thuận tại hợp đồng kinh tế đã ký kết và quy định tại Điều 50 Luật thương mại. Do vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay một lần toàn bộ số tiền 458.215.000 đồng còn nợ của 2 hợp đồng kinh tế nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 458.215.000 đồng: Căn cứ theo quy định về Điều khoản thanh toán tại Điều III của hợp đồng số 022704 thì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nếu chậm thanh toán, tuy nhiên không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất. Ngày 20/8/2019 bị đơn có công văn số 59 về việc "lịch thanh toán nợ" vào tháng 9/2019 và tháng 10/2029, nhưng không thực hiện. Tại công văn số 81/CV/ZESCONS-SMC ngày 29/10/2019, công ty Z xác nhận số tiền còn nợ Công ty S là 458.215.000 đồng và cam kết thực hiện việc trả nợ vào khoảng tháng 11/2019 và đầu tháng 12/2019 nhưng vẫn không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả kể từ ngày 30/11/2019 (30 ngày sau khi xác nhận nợ và cam kết trả theo lịch thanh toán) đến ngày xét xử 25/9/2020 (là 300 ngày) với mức lãi suất 13.5%/năm (0.037%/ngày) là 50.861.865 đồng. Xét thấy, căn cứ theo Điều 306 Luật thương mại, do Công ty Z vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền nên Công ty S yêu cầu phải trả tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với lãi suất Công ty S yêu cầu là 13.5%/năm, Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường do Ngân hàng C, Ngân hàng A và Ngân hàng V cung cấp tại thời điểm xét xử là 15.3%/năm. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán 13.5%/năm là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: 458.215.000 đ x 300 ngày x 0,037%/ngày = 50.861.865 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy việc nguyên đơn - Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại S yêu cầu bị đơn - Công ty Cổ phần Xây dựng Z phải trả số tiền 509.076.865 đồng bao gồm tiền nợ gốc 458.215.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 50.861.865 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.363.075 đồng.

Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.516.942 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0039914 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 24, 50, 55, 306 Luật thương mại; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S:

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Z phải trả cho Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S số tiền 509.076.865 (năm trăm lẻ chín triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm sáu mươi lăm) đồng (bao gồm: nợ gốc 458.215.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 25/9/2020 là 50.861.865 đồng).

Thực hiện một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 26/9/2020 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 24.363.075 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn không trăm bảy mươi lăm) đồng do Công ty Cổ phần Xây dựng Z phải chịu.

Trả lại cho Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.516.942 (mười một triệu năm trăm mười sáu ngàn chín trăm bốn mươi hai) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0039914 ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3/ Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại S, Công ty Cổ phần Xây dựng Z được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Lê Diễm Thúy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**